

Số: 765/GPMT-UBND

Long Khánh, ngày 31 tháng 12 năm 2024

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số: 79/CV-TX ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Công ty TNHH XNK Gỗ Trung Xing về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy sơ chế gỗ, quy mô 35.000 tấn sản phẩm/năm tại đường số 7, KCN Long Khánh, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1111/TTr-TNMT ngày 27 tháng 12 năm 2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty TNHH XNK Gỗ Trung Xing, địa chỉ tại đường số 7, KCN Long Khánh, xã Bình Lộc, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Nhà máy sơ chế gỗ, quy mô 35.000 tấn sản phẩm/năm, với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án: Nhà máy sơ chế gỗ, quy mô 35.000 tấn sản phẩm/năm.

1.2. Địa điểm hoạt động: Đường số 7, KCN Long Khánh, xã Bình Lộc, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 3603953424 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, đăng ký lần đầu ngày 19/3/2024 và đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 10/10/2024.

1.4. Mã số thuế: 3603953424.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sơ chế gỗ.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: Tổng diện tích nhà xưởng của dự án là 20.000 m<sup>2</sup>.

- Quy mô: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: 35.000 tấn sản phẩm/năm.

**2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH XNK Gỗ Trung Xing được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH XNK Gỗ Trung Xing có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 31 tháng 12 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2034).

**Điều 4.** Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- Công ty TNHH XNK Gỗ Trung Xing;
- Chủ tịch, các PCT UBND thành phố;
- Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai;
- Công ty Cổ phần KCN Long Khánh;
- Bộ phận TN&TKQ thành phố;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao  
*(đề nghị đăng trên Trang TTĐT thành phố);*
- UBND xã Bình Lộc;
- Chánh, Phó VP;
- Lưu: VT, TH (NN);

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đào Đại Giang**

## Phụ lục 1

### **NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 765/GP-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của UBND thành phố Long Khánh)*

#### **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Long Khánh, không xả nước thải trực tiếp ra môi trường).

#### **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

##### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống thu gom nước thải:

- Các nguồn nước thải phát sinh chủ yếu tại Công ty cụ thể như sau:

Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh sẽ được thu gom dẫn về Nước thải từ nhà vệ sinh được thu gom bằng hệ thống riêng dẫn vào 02 bể tự hoại 3 ngăn có tổng thể tích khoảng 19 m<sup>3</sup> để xử lý (01 bể tự hoại ở khu vực văn phòng và 01 bể tự hoại tại khu vực nhà xưởng). Nước thải sau khi qua bể tự hoại được thu gom bằng ống HDPE Ø150 với tổng chiều dài khoảng 260m được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải của KCN Long Khánh tại 01 vị trí trên đường số 7 có tọa độ X:1212724; Y: 442390.

Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý lò hơi, lưu lượng khoảng 0,3 m<sup>3</sup>/ngày, chủ dự án tái sử dụng vào quá trình tuần hoàn xử lý khí thải lò hơi và bổ sung khi hao hụt, định kỳ khoảng 1 tháng sẽ thay nước và giao cho đơn vị thu gom chất thải nguy hại.

- Tổng khối lượng nước thải phát sinh tối đa khoảng 13,5 m<sup>3</sup>/ngày.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại → Đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Long Khánh để xử lý.

- Công suất thiết kế: Bể tự hoại 03 ngăn, thể tích 19 m<sup>3</sup>.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại; đảm bảo không có bất kỳ công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước; nạo vét hệ thống cống rãnh định kỳ để tăng khả năng thoát nước; hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, bơm hút định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản d Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của dự án, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đấu nối, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Long Khánh, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đấu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Long Khánh để tiếp tục xử lý trước khi xả ra môi trường.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả nước thải chưa qua xử lý ra môi trường.

## Phụ lục 2

### **NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 765/GP-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của UBND thành phố Long Khánh)

#### **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**

##### **1. Nguồn phát sinh khí thải:**

Nguồn số 01: Sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1 Vị trí xả khí thải (theo Hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trực  $107^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ )

- Dòng khí thải 1: Ống thải sau hệ thống xử lý khí thải công suất  $6.000\text{m}^3/\text{giờ}$ . Tọa độ X: 121876; Y: 442291.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: Tổng lưu lượng khí thải lớn nhất của dự án dự kiến  $6.000\text{m}^3/\text{giờ}$ .

2.3. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí thải, xả thải liên tục khi phát sinh.

2.4. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT, cột B,  $K_p=1$ ,  $K_v=1$ .

#### **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**

##### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống thu gom khí thải:

Các nguồn nước thải phát sinh chủ yếu tại Công ty cụ thể như sau:

Nguồn số 01: Sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

Lưu lượng xả khí thải tối đa:  $6.000\text{ m}^3/\text{giờ}$ .

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải phát sinh từ lò hơi thu gom bằng đường ống inox có đường kính  $\Theta 600$ , dài 2m vào hệ thống Cyclone lắng bụi khô. Sau khi đi qua Cyclon khí thải được dẫn qua bể đập bụi bằng nước bằng đường ống  $\phi 600$ , dài 4m được dẫn qua tháp hấp thụ bằng nước. Khí thải sau khi qua bể đập bụi (KT:  $4\text{m} \times 3\text{m} \times 2,5\text{m}$ ) thoát ra môi trường qua ống thoát khí thải.

- Công suất thiết kế:  $6.000\text{ m}^3/\text{giờ}$ .

- Dung dịch hấp thụ là nước. Dung dịch hấp thụ giao cho đơn vị thu gom xử lý như chất thải nguy hại.

- Vị trí, phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý sẽ được thoát ra môi trường tại 01 vị trí thải có tọa độ X: 121876; Y: 442291 bằng đường ống thép CT3 kích thước đường kính D600; cao khoảng 22m.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: Thường xuyên theo dõi hoạt động của hệ thống xử lý khí thải; Thực hiện bảo trì, kiểm tra thường xuyên các thiết bị xử lý khí thải để đảm bảo chúng hoạt động hiệu quả và kịp thời phát hiện các sự cố.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm dự kiến: Không quá 06 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải (quy định tại khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: 01 hệ thống xử lý khí thải, công suất 6.000 m<sup>3</sup>/giờ.

2.3. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm có trong khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của các hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả ra môi trường theo quy định tại Mục 2.4 của Phần A Phụ lục này.

2.4. Vị trí lấy mẫu: Tại ống thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải.

2.5. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Đảm bảo toàn bộ bụi, khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở phải được thu gom, xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với K<sub>p</sub>=1, K<sub>v</sub>=1) và QCVN 20:2009/BTNMT. Không được xả bụi, khí thải không đạt quy ra môi trường.

3.4. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

### Phụ lục 3

## BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 765/GP-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của UBND thành phố Long Khánh)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

#### 1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Từ khu vực cửa, cắt.
- Nguồn số 02: Từ khu vực cửa.
- Nguồn số 03: Từ khu vực lò hơi.
- Nguồn số 04: Khu vực cổng ra vào.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung** (theo Hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trục  $107^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ):

- Nguồn số 01: từ khu vực cửa, cắt. Tọa độ: X: 1212812; Y: 442339.
- Nguồn số 02: từ khu vực cửa. Tọa độ: X: 1212770; Y: 442311.
- Nguồn số 03: từ khu vực lò hơi. Tọa độ: X: 121876; Y: 442291.
- Nguồn số 04: khu vực cổng ra vào. Tọa độ X: 1212727; Y: 442318.

#### 3. Tiếng ồn:

Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc theo QCVN 24:2016/BYT.

STT	QCVN 24:2016/BYT		Tầng suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Giới hạn tiếp xúc với tiếng ồn (giờ)	Giới hạn cho phép mức áp suất âm tương đương ( $L_{\text{aeq}}$ ) - dBA		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

#### 4. Độ rung:

Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung theo QCVN 27:2010/BTNMT.

STT	QCVN 26:2010/BTNMT		Tầng suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường



## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**

### **1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các thiết bị có khả năng gây ồn trong khi vận hành. Các máy móc thiết bị thực hiện phục vụ sản xuất được bảo dưỡng bảo trì, thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất.

- Trang bị bảo hộ lao động (nút bịt tai chống ồn) cho lao động tại các khu vực phát sinh tiếng ồn nhiều. Đồng thời, có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động thường xuyên.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy, thiết bị.

- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

### **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị.

**Phụ lục 4****YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 765/GP-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của UBND thành phố Long Khánh)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI****1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Khối lượng phát sinh/năm (kg)
1	Chất thải có thành phần nguy hại từ quá trình xử lý khí thải	Lỏng	04 02 03	NH	4.000
2	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải có chứa thành phần nguy hại	Rắn	16 01 06	NH	6
3	Bao bì mềm thải có chứa thành phần nguy hại	Rắn	18 01 01	KS	240
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn có chứa thành phần nguy hại	Rắn	18 01 02	KS	500
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa có chứa thành phần nguy hại	Rắn	18 01 03	KS	500
6	Vải lau dính dầu, vật liệu thấm hút chứa thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	KS	20
7	Dầu động cơ, hộp số, bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	NH	100
<b>Tổng khối lượng</b>					<b>5.366</b>

(\*) Phân loại: KS (Chất thải phải kiểm soát); NH (Chất thải nguy hại).

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Loại chất thải phát sinh	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Nhóm nhựa thải (can nhựa, túi ny lông,..)	Rắn	11 02 04	TT-R	200

TT	Loại chất thải phát sinh	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
2	Nhóm giấy phế liệu (thùng carton, giấy,..)	Rắn	12 08 03	TT-R	50
3	Nhóm gỗ	Rắn	09 01 03	TT-R	14.000.000
4	Hộp mực in văn phòng	Rắn	08 02 06	TT	24
5	Tro đáy, xỉ và bụi lò hơi khác với các loại trên	Rắn	04 02 06	TT	500.000
6	Bùn từ bể tự hoại	Bùn		TT	1.500
<b>Tổng khối lượng</b>					<b>14.501.774</b>

(\*) Phân loại: TT (Chất thải công nghiệp thông thường); TT-R (Chất thải công nghiệp thông thường – Rắn).

### 1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Loại chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
		Tối đa 100% công suất
1	Chất thải rắn sinh hoạt nhóm thực phẩm	15
2	Chất thải rắn sinh hoạt còn lại	3,72
<b>Tổng cộng</b>		<b>18,72</b>

## 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

### 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy hoặc bố trí khu vực lưu chứa có khay chống tràn bên dưới đối với chất thải nguy hại dạng lỏng.

2.1.2. Khu lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 30 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Khu lưu giữ chất thải nguy hại có tường bao che, mái che bằng tôn cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải nguy hại; mặt sàn đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa từ bên ngoài chảy vào, cao độ nền đảm bảo không ngập lụt và đáp ứng các yêu cầu về an toàn, kỹ thuật, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường; có trang bị thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy; có trang bị thiết bị, dụng cụ ứng phó sự cố trong trường hợp chất thải dạng lỏng bị rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn.

### 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 240 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Mặt sàn đảm bảo kín khít, không rạn nứt, không bị thấm thấu và tránh nước mưa từ bên ngoài chảy vào; có mái che kín nắng mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ.

### ***2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:***

Thiết bị lưu chứa: Chất thải rắn sinh hoạt được lưu chứa trong các thùng nhựa 240L có nắp đậy được bố trí xung quanh khu vực nhà xưởng.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:**

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố cháy nổ, rò rỉ hóa chất, đổ tràn chất thải và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 765/GP-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của UBND thành phố Long Khánh)*

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.